

BỘ THỦY SẢN
Số: 4/TS-TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 1986

THÔNG TƯ

Về tổ chức lại sản xuất nghề cá trên các ngư trường

Để tổ chức thực hiện Quyết định số 151-CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ngày 21-6-1986 về tổ chức lại sản xuất nghề cá trên các ngư trường; trong Thông tư này Bộ Thủy sản hướng dẫn mục 1 và 3 của Quyết định. Các phần nội dung về an ninh vùng biển, mạng lưới thông tin bảo vệ nguồn lợi... Bộ Thủy sản sẽ cùng với các ngành có liên quan ra Thông tư hướng dẫn sau.

A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

I- PHÂN BỐ CÁC NGƯ TRƯỜNG

Từ những đặc điểm tự nhiên, nguồn lợi, tập quán sản xuất và phân bố lực lượng sản xuất, biển Việt Nam phân ra bốn vùng là vùng biển Vịnh Bắc bộ, vùng biển Trung bộ, vùng biển đông tây Nam bộ và vùng biển khơi.

1. Vùng biển vịnh Bắc Bộ:

Giới hạn từ vĩ tuyến 21 độ 30 N, đến 17 độ 00 N, phía đông giới hạn bởi đường bao ngoài vùng đặc quyền kinh tế của nước ta. Vùng biển vịnh Bắc bộ có các ngư trường là Cát Bà - Đồ Sơn, Long Châu, Thượng Hạ Mai, Bạch Long Vĩ, Hòn Mê - Hòn Mất, Hòn Giá. Ngư trường chính là Bạch Long Vĩ và Hòn Mê - Hòn Mất.

2. Vùng biển miền Trung: Giới hạn từ vĩ độ 17 độ 00 N - 10 độ 40 N, về phía đông giới hạn bởi đường đẳng sâu 200m. Vùng biển miền Trung có các ngư trường phía

đông các tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, Nghĩa Bình, Phú Khánh và Thuận Hải. Ngư trường chính là Thuận Hải.

3. Vùng biển đông và tây các tỉnh Nam bộ: Giới hạn từ vĩ độ 10 độ 40 N trở xuống, về phía đông giới hạn bởi đường đẳng sâu 50m, về phía tây giới hạn bởi đường bao ngoài vùng đặc quyền kinh tế của nước ta. Trong vùng biển này có các ngư trường là Vũng Tàu - Côn Đảo, Cù Lao Thu, Hòn Khoai, Phú Quốc, Thổ Chu... Ngư trường chính là Vũng Tàu - Côn Đảo, Hòn Khoai và Phú Quốc.

4. Vùng biển khơi là vùng biển sâu, nằm phía ngoài các giới hạn quy định của các vùng biển trên.

II- PHÂN TUYẾN SẢN XUẤT

Trên cơ sở cơ cấu nghề nghiệp, khả năng hoạt động của tàu thuyền và tập quán sản xuất; các ngư trường hiện đang khai thác chia làm 3 tuyến là tuyến bờ, tuyến lộng và tuyến khơi.

1. Tuyến bờ: giới hạn từ bờ đến độ sâu <10m. ở vùng biển có độ dốc lớn hơn 30 độ, tuyến bờ được quy định cách bờ ít nhất là 5 ki-lô-mét.

2. Tuyến lộng: Giới hạn từ độ sâu 10-30m. Vùng biển có độ dốc lớn hơn 30 độ, tuyến lộng cách bờ từ 6 đến 15 kilômét.

3. Tuyến khơi: giới hạn từ độ sâu 30m trở lên. Vùng biển có độ dốc lớn hơn 30 độ, tuyến khơi có khoảng cách xa bờ ít nhất là 16 kilômét.

B- NỘI DUNG TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT TRÊN CÁC NGƯ TRƯỜNG

I- TỔ CHỨC ĐIỀU TRA, DỰ BÁO NGƯ TRƯỜNG.

1. Tổ chức điều tra.

ở vùng biển gần địa phương mình, Sở Thủy sản cần phối hợp với các viện nghiên cứu để điều tra các đối tượng đánh bắt có giá trị kinh tế, phục vụ nội địa và xuất khẩu, nhằm bổ sung mức độ chính xác và làm phong phú thêm tài liệu đã có. Đồng thời, kết hợp với tàu thuyền sản xuất, khôi phục lại chế độ điều tra, khảo sát để xác định chính xác các bãi tôm, cá và sự biến động của chúng.

Giao cho Viện nghiên cứu hải sản Hải Phòng hàng năm lập kế hoạch hướng dẫn phối hợp tiếp tục nghiên cứu, điều tra nguồn lợi thủy sản.

Dưới sự hướng dẫn của Bộ Thủy sản và sự chỉ đạo trực tiếp của Sở Thủy sản các huyện ven biển phải tổ chức điều tra vùng eo, vịnh, cửa lạch, đầm phá, bãi ngang ven biển để lập quy hoạch, kế hoạch tận dụng mặt nước, đắp đầm nuôi tôm, trồng rong câu phục vụ xuất khẩu.

2. Công tác dự báo ngư trường.

Vào trung tuần hàng tháng Viện nghiên cứu hải sản Hải Phòng có nhiệm vụ dự báo cho tháng sau về khu vực phân bố, mức khai thác, khả năng xuất hiện các đối tượng đánh bắt trên các vùng biển và trên các ngư trường chính. Các Sở Thủy sản, các quốc doanh khai thác hải sản, căn cứ vào dự báo chung, kết hợp với điều tra và kết quả sản xuất thực tế, để tổ chức dự báo trên các ngư trường của địa phương mình.

Ngoài dự báo hàng tháng, Viện nghiên cứu hải sản Hải phòng có nhiệm vụ tiến hành dự báo dài hạn từ 3 đến 6 tháng về xu thế phân bố, biến động, mật độ khai thác... các đối tượng đánh bắt chủ yếu ở các vùng biển, nhất là trên các ngư trường chính.

3. Khôi phục, duy trì chế độ báo cáo định kỳ sản xuất và ngư trường.

Cùng với báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng tháng; Sở Thủy sản, các đơn vị trực thuộc Bộ có nhiệm vụ thường xuyên báo cáo Bộ về diễn biến của các đối tượng đánh bắt địa phương, đơn vị mình; những nguyên nhân tác động đến diễn biến ngư trường, nguồn lợi...

Vụ khai thác bảo vệ Bộ Thủy sản có trách nhiệm đôn đốc nhắc nhở các Sở Thủy sản, các đơn vị báo cáo theo định kỳ. Đồng thời, cùng với Viện nghiên cứu hải sản Hải Phòng tập hợp, xử lý các số liệu để thông báo nhanh tình hình ngư trường đến các địa phương và giúp cho việc dự báo ngư trường chính xác hơn.

II- SẮP XẾP LỰC LƯỢNG NUÔI TRỒNG KHAI THÁC HẢI SẢN

1. Nuôi trồng thủy sản: Việc nuôi trồng ở những vùng nước mặn lợ cần phải nhanh chóng phát triển để tăng sản phẩm tiêu thụ nội địa và tăng nguồn cung cấp nguyên liệu (tôm, rong câu, và các đặc sản khác cho xuất khẩu). Phát triển nuôi trồng mặn, lợ phải tiến hành trong mối liên kết nông - lâm - ngư; lấy huyện làm địa bàn chính; dân làm, hợp tác xã làm là chính. Với những mặt nước nằm gọn trong đơn vị thì thành lập tổ, đội chuyên nuôi tôm cá... kết hợp với trồng cây, gây rừng... Những mặt

nước phân tán cạnh các gia đình thì khoán gọn cho từng gia đình. Trên cơ sở đó, sử dụng hết tiềm năng mặt nước và lao động, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật làm chuyển biến mạnh mẽ về nuôi trồng vùng nước lợ ven biển.

2. Khai thác hải sản.

a) Đối với quốc doanh khai thác hải sản, nhanh chóng củng cố, kiện toàn tổ chức để làm tốt vai trò chủ đạo của quốc doanh đối với nghề cá:

- Sắp xếp lại đội tàu khai thác hiện có. Những tàu không còn khả năng đánh bắt, chuyển sang làm hậu cần dịch vụ, vận tải sản phẩm thủy sản trên biển. Những tàu sức kéo giảm, chuyển sang các nghề đánh cá nổi hoặc kéo tôm...

- Xây dựng cơ cấu nghề nghiệp hợp lý để bảo đảm khai thác tốt trên tuyến lộng, tuyến khơi. Đẩy mạnh việc làm kiêm nghề để khai thác cả cá đáy lẫn cá nổi và đặc sản.

- Làm nòng cốt trong việc chỉ huy, chỉ đạo khai thác, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

- Các xí nghiệp khai thác hải sản của Trung ương, địa phương thông qua hình thức liên doanh, liên kết để sử dụng, bố trí hợp lý đội tàu của mình, vừa làm nhiệm vụ khai thác, vừa làm hậu cần dịch vụ cho lực lượng ngư dân tại chỗ, một phần cho ngư dân các nơi khác di chuyển theo mùa vụ để thu gọn sản phẩm.

b) Nghề cá nhân dân hiện nay và trong những năm tới vẫn chiếm vị trí quan trọng trong sản xuất nghề cá. Vì thế, đòi hỏi phải nhanh chóng tổ chức lại sản xuất, trước mắt trên những ngư trường chính nhằm tăng dần sản lượng đánh bắt hàng năm. Tổ chức lại sản xuất nghề cá nhân dân bao gồm những vấn đề chủ yếu sau:

- Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng quan hệ sản xuất mới nhằm bảo đảm cho nghề cá phát triển vững chắc trên cơ sở tăng sản lượng đánh bắt, tăng tích lũy và tăng thu nhập cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất. Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng quan hệ sản xuất mới, cần chỉ đạo tốt các nội dung về hình thức và bước đi của hợp tác xã, tập đoàn sản xuất; quy mô tổ chức thích hợp. Đồng thời, xác định phương hướng sản xuất và cơ cấu nghề nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, nguồn lợi, tập quán của địa phương. Ngoài ra, ở mỗi hợp tác xã, tập đoàn sản xuất cần kiện toàn lại lực lượng đánh bắt, hậu cần dịch vụ của mình để có kế hoạch tổ

chức, đăng ký lực lượng di chuyển sản xuất theo mùa vụ trên các ngư trường hàng năm, theo hướng dẫn của Bộ Thủy sản và Sở Thủy sản.

- Để khắc phục tình trạng cơ cấu nghề nghiệp chưa hợp lý, các địa phương cần xây dựng cơ cấu nghề nghiệp mới theo phương hướng sau:

Vùng biển vịnh Bắc Bộ, giảm dần số lượng nghề vó ánh sáng từ 600 - 700 và hiện nay xuống còn khoảng 300 - 350 vàng trong năm tới. Phục hồi và phát triển nghề rê - thu, câu vàng, kéo cá thủ công và kéo tôm...

Vùng biển Trung bộ, giảm dần các nghề lưới cao, quát, rùng, xắm bãi là các nghề khai thác cá con, năng suất vùng ven bờ. Tăng cường phát triển các nghề khai thác vùng xa bờ như rê chuồn, cán khơi, lưới vây, rút chì và nghề câu vàng...

Vùng biển đông và tây Nam bộ, tăng cường đầu tư nghề lưới kéo cá ở vùng biển có độ sâu ngoài 30m nước. Phục hồi nghề vây cá cơm, du nhập với số lượng hợp lý nghề pha xúc phục vụ cho sản xuất nước mắm xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Phát triển có mức độ các nghề kết hợp ánh sáng như vây, vó, mành...

Ở cả 3 vùng biển cần coi trọng việc tổ chức kiêm nghề hợp lý giữa các mùa vụ, hoặc kiêm 1 hay 2 nghề trong cùng thời điểm trên 1 đơn vị nghề.

- Cơ cấu đội tàu khai thác: sử dụng hợp lý đội tàu đánh bắt hiện có cho từng vùng biển. Bảo đảm khai thác trên 3 tuyến và di chuyển lực lượng đánh bắt theo mùa vụ. Đối với tuyến bờ, tuyến lộng chủ yếu sử dụng tàu thuyền có công suất từ 33 cv trở xuống và thuyền, bè thủ công.

Tuyến khơi: Loại 45 cv, 90 - 140 cv; đồng thời, hình thành đội tàu cỡ 250 - 400 - 600 - 1000 cv... tổ chức khai thác có hiệu quả vùng biển khơi.

Cùng với việc hình thành các đội tàu khai thác ở biển, ở mỗi địa phương cần chú ý thích đáng đội tàu có công suất nhỏ phục vụ nghề cá sông, vùng cửa sông, để giữ vững có mức độ sản lượng vùng ven bờ và trong sông.

Để làm tốt công tác hậu cần dịch vụ cho nghề cá nhân dân, Bộ Thủy sản cùng với các ngành và các địa phương phát triển đội tàu hậu cần dịch vụ, thu gom sản phẩm trên các ngư trường chính. Ở mỗi địa phương cũng sẽ phát triển đội tàu dịch vụ, hậu cần, thu gom sản phẩm, bảo đảm cho lực lượng đánh bắt của địa phương mình.